

BẢN TIN KINH TẾ

Số 20, Ngày 31/10/2009

VỤ TỔNG HỢP KINH TẾ - BỘ NGOẠI GIAO

	Mục lục	Trang
<p>Địa chỉ liên hệ:</p> <p>BAN BIÊN TẬP</p> <p>BẢN TIN KINH TẾ</p> <p>Vụ Tổng hợp Kinh tế</p> <p>Bộ Ngoại giao</p> <p>Số 7 Chu Văn An, Hà Nội</p> <p>Tel: (04) 37993245 (04) 37993241 (04) 37993807</p> <p>Fax: (04) 37993424</p> <p>Email: kt.mfa@mofa.gov.vn</p>	<ul style="list-style-type: none"> ❖ ĐIỂM TIN KINH TẾ <ul style="list-style-type: none"> ➤ Kinh tế Thế giới 2 ➤ Kinh tế Việt Nam 5 ➤ Trang tin pháp luật 7 ➤ Thông tin ngành hàng/lĩnh vực 11 ❖ TIÊU ĐIỂM Gói kích cầu thứ hai, phương thuốc hay chống suy thoái 17 ❖ CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ Sự hình thành các tập đoàn kinh tế Việt Nam, hiện trạng và xu hướng phát triển 22 ❖ TIN NGOẠI GIAO KINH TẾ 31 ❖ CƠ HỘI GIAO THƯƠNG 36 	

Ban Biên tập xin trân trọng cảm ơn các đơn vị của Bộ Ngoại giao, các Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan Ngoại vụ một số Tỉnh, Thành phố đã cung cấp thông tin và viết bài cho Bản tin kỳ này.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế Trung Quốc phục hồi ấn tượng. GDP quý 3 của Trung Quốc đã tăng trưởng 8,9% - tốc độ mạnh nhất trong vòng một năm trở lại đây nhờ hoạt động kích cầu của Chính phủ nước này và mức độ tăng trưởng tín dụng kỷ lục.

Trong đó, sản xuất công nghiệp tăng 13,9%, thị trường bán lẻ tăng ấn tượng 15,5%. Trong khi đó, chỉ số giá tiêu dùng của Trung Quốc trong tháng đã giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, mức giảm chậm nhất so với cùng kỳ kể từ tháng 2 trở lại đây, và tăng 0,4% so với tháng 8. Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tại Trung Quốc tháng 9 giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Sự phục hồi đầy khả quan này của kinh tế Trung Quốc là kết quả của gói kích thích kinh tế gần 600 tỷ USD, cộng thêm lượng vốn vay cấp mới lên tới con số kỷ lục 1.270 tỷ USD từ đầu năm tới nay. Ngoài ra, việc đồng Nhân dân tệ ngừng lên giá so với USD từ tháng 7 năm ngoái tới nay cũng hỗ trợ tích cực cho các nhà xuất khẩu Trung Quốc.

Sản lượng ô tô của Trung Quốc đạt mốc 10 triệu chiếc tính từ đầu năm đến nay, đưa Trung Quốc trở thành nước thứ ba trên thế giới vượt ngưỡng sản lượng

thường niên này. Đây là thông tin do Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc (CAAM) mới công bố. Trước Trung Quốc, mới chỉ có Mỹ và Nhật vượt mức sản lượng 10 triệu ô tô / năm.

Ngành công nghiệp ô tô của Trung Quốc đã duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm nay, bất chấp sự suy giảm kinh tế, nhờ gói hỗ trợ Chính phủ nước này đưa ra từ hồi đầu năm. Theo đó, Chính phủ Trung Quốc sẽ giảm 5 - 10% thuế tiêu thụ đối với các xe có động cơ dưới 1,6 lít, đồng thời trợ cấp cho các hộ gia đình nông dân nâng cấp xe sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và xe tải nhẹ.

Các nhà phân tích dự báo, Trung Quốc có thể tiêu thụ từ 12-13 triệu xe ô tô trong năm 2009 này.

106 ngân hàng Mỹ đóng cửa trong 10 tháng, nhà chức trách Mỹ đóng cửa thêm 7 ngân hàng trong ngày 23/10, nâng tổng số ngân hàng đổ vỡ ở nước này từ đầu năm lên 106. Từ cuộc khủng hoảng tiết kiệm và cho vay xảy ra năm 1992 tới nay, chưa năm nào nước Mỹ chứng kiến sự giải thể của nhiều ngân hàng như năm nay.

7 ngân hàng bị đóng cửa ngày 23/10 đều là những ngân hàng quy mô nhỏ, với

tổng tài sản 350 triệu USD. Trong khi đó, ngân hàng Mỹ lớn nhất bị đóng cửa trong lần khủng hoảng này là Washington Mutual, với tài sản lên tới 307 tỷ USD ở thời điểm đổ vỡ vào tháng 9/2008.

Các nhà chức trách Mỹ cho rằng, các khoản vay dành cho lĩnh vực bất động sản địa ốc đang là thách thức lớn nhất đối với các nhà băng ở nước này. Tính tới tháng 6 vừa qua, tổng dư nợ ngân hàng ở lĩnh vực này là hơn 1.000 tỷ USD, tương đương 14,2% so với tổng dư nợ của ngành ngân hàng Mỹ.

Boeing lỗ ròng 1,6 tỷ USD trong quý 3.

Cùng với đối thủ Airbus của châu Âu, hãng Boeing đã và đang phải tiếp tục đối diện với những thách thức lớn. Máy bay do họ sản xuất thời gian qua ế ẩm do các hãng hàng không trên thế giới cắt giảm đầu tư vào máy bay mới trong bối cảnh suy thoái. Ngoài ra, bộ phận quốc phòng của Boeing cũng gặp nhiều khó khăn vì Chính phủ Mỹ cắt giảm ngân sách.

Doanh thu trong quý 3 của Boeing đạt mức 16,7 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2008 - nhưng thấp hơn mức dự báo 17,16 tỷ USD mà giới phân tích kỳ vọng. Khoản lỗ 1,6 tỷ USD nói trên của Boeing xuất phát chủ yếu từ chi phí phát sinh do điều chỉnh thiết kế của máy bay 787

Dreamliner và phiên bản máy bay chở hàng mới của chiếc 747-8.

Ngay sau khi kết quả kinh doanh trên của Boeing được công bố, giới phân tích ở Phố Wall đã hạ dự báo lợi nhuận năm 2009 của Boeing, vì số lỗ quý 3 của tập đoàn này cao hơn so với dự báo ban đầu.

Anh mắc kẹt trong suy thoái. Tốc độ tăng trưởng GDP tại Anh trong quý III vừa được công bố là âm 0,4% đã làm mất hy vọng về việc nền kinh tế này sẽ theo bước các nước châu Âu khác như Pháp và Đức sớm ra khỏi suy thoái.

Kinh tế Anh đã liên tục suy giảm trong suốt thời gian qua bất chấp những nỗ lực của Chính phủ Anh và ngân hàng trung ương nước này: giữ lãi suất cơ bản ở mức thấp kỷ lục 0,5% và bơm ra 175 tỷ bảng (290 tỷ USD) nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế.

Bộ trưởng Tài chính Alistair Darling thì cho rằng, việc kinh tế khó khăn là điều đã được dự báo, bởi trước đó ông đã nhận định kinh tế có thể trải qua tình trạng suy thoái sâu và lâu dài hơn nhiều người nghĩ. Nhưng cũng theo ông, hiện đã có một số tín hiệu tích cực.

Tuy vậy, giới phân tích cho rằng, số liệu kinh tế xấu đến mức đáng kinh ngạc vừa

qua và đánh dấu tháng thứ 6 sụt giảm liên tiếp, không cho phép người ta lạc quan về triển vọng của Anh.

Mỗi phút Anh nợ thêm 1,1 triệu USD.

Báo cáo mới nhất của Trung tâm Nghiên cứu chính sách Anh khẳng định số nợ thực tế của nước này hiện là 2.200 tỷ bảng, cao gấp ba so với thống kê do Bộ Tài chính đưa ra. Theo báo cáo này, cứ mỗi phút khối nợ lại đẻ thêm 700.000 bảng và mỗi ngày thêm 1 tỷ bảng. Tính ra, mỗi người dân Anh từ đàn ông đến phụ nữ, từ già đến trẻ đang gánh khoản nợ trị giá 36.000 bảng, tương đương 59.000 USD.

Trung tâm cho rằng chính phủ đã "quên" tính 1.395 tỷ bảng, trong đó bao gồm 1.100 tỷ dành để trợ cấp cho khối doanh nghiệp nhà nước, hàng trăm tỷ để giải quyết khủng hoảng tín dụng, xây bệnh viện, trường học và đường xá mới.

Một số nhà kinh tế học nhận định chi tiêu công sẽ là một trong những vấn đề then chốt quyết định kết quả của cuộc tổng tuyển cử diễn ra vào năm tới, được dự báo là sẽ khắc nghiệt giữa hai đảng Lao động và Bảo thủ.

Tỷ giá hối đoái giữa đồng Won Hàn Quốc và USD đã giảm xuống mức kỷ lục: 1.100 Won/USD. Đây là mức thấp

nhất trong năm nay sau khi đạt đỉnh ở mức 1.600 Won = 1 USD năm 2008.

Lý do tỷ giá Won-USD giảm là do, thứ nhất đồng USD đang trong xu thế yếu đi trên quy mô toàn cầu. Thứ hai, sự hồi phục nhanh chóng của nền kinh tế Hàn Quốc (tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc đạt 1% trong quý 3/2009). Thứ ba, các nhà đầu tư nước ngoài tăng lượng tiền đầu tư ổn định tại Hàn Quốc, làm tăng dự trữ ngoại tệ quốc gia (tháng 9 vừa qua, dự trữ ngoại tệ của Hàn Quốc đạt mức 250 tỷ USD).

Ngoài ra, việc thị trường chứng khoán Hàn Quốc được nâng cấp thành thị trường phát triển, khiến cho dòng chảy ô-át vốn nước ngoài vào quốc gia này.

Các chuyên gia kinh tế cảnh báo đồng Won tăng giá sẽ ảnh hưởng đến các nhà xuất khẩu Hàn Quốc và khiến sự hồi phục kinh tế của nước này chậm lại./.

Vốn FDI tăng mạnh trong tháng 10/2009. Theo báo cáo mới đây của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến hết tháng 10/2009, vốn FDI đăng ký đã đạt gần 19 tỷ USD, giải ngân đạt 8 tỷ USD.

Trong tháng 10, đã có 72 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư, nâng tổng số dự án cấp mới từ đầu năm đến nay lên con số 658 dự án, bằng 46,7% cùng kỳ năm 2008. Trong khi đó, chỉ có 11 dự án tăng vốn, bằng 48,6% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện cũng tăng thêm khoảng 800 triệu USD và đạt con số 8 tỷ USD trong vòng 10 tháng qua, bằng 87,9% so với cùng kỳ. Giải ngân bình quân đạt 800 triệu USD/tháng. Hoa Kỳ, Brunei, Cayman Islands là ba nhà đầu tư đứng đầu trong danh mục các quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đăng ký lần lượt là 8,11 tỷ USD; 2,02 tỷ USD; và 1,7 tỷ USD... Về phía các địa phương, Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn tiếp tục xếp đầu bảng, thu hút 6,66 tỷ USD FDI trong 10 tháng; tiếp đến là Bắc Giang với 4,17 tỷ USD và Quảng Nam với 2,46 tỷ USD...

Tháng 10/2009, Việt Nam nhập siêu khoảng 1,9 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập siêu trong 10 tháng đạt 8,78 tỷ USD. Tháng 10/2009 là tháng có mức nhập siêu

cao nhất kể từ đầu năm. Về xuất khẩu, ước tính tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 10/2009 đạt 4,75 tỷ USD (tháng 7 đạt 4,806 tỷ USD; tháng 8 là 4,523 tỷ USD; tháng 9 đạt 4,544 tỷ USD). Tính chung từ đầu năm đến nay, xuất khẩu đã đạt khoảng 46,336 tỷ USD, tuy còn kém 13,8% so với cùng kỳ năm trước, nhưng so với những tháng trước đó, xuất khẩu vẫn đang giảm dần và rút ngắn khoảng cách so với cùng kỳ của năm 2008 (tháng 8 và 9, mức giảm kim ngạch so với cùng kỳ khoảng 14,2-14,3%). Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ đầu năm đến tháng 10/2009 đã đạt 55,119 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2008. Trong 27 mặt hàng nhập khẩu được liệt kê, chỉ có kim ngạch lúa mì và tân dược tăng (8,8% và 26,8%), kim ngạch 25 mặt hàng còn lại đều giảm, trong đó, thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu giảm tới 87,2%; xăng dầu giảm 47,9%; sắt thép giảm 30,7% (riêng phôi thép giảm 43,6%).

Định hướng điều chỉnh chính sách tiền tệ, tỷ giá thời gian tới. Ngân hàng Nhà nước nhận định xuất khẩu cả năm giảm khoảng 9,9%; lượng kiều hối giảm khoảng 15% so với năm 2008... Sự sụt

giảm này có thể ảnh hưởng đến cán cân thanh toán tổng thể và gây sức ép lên tỷ giá. Tuy nhiên, các nhu cầu ngoại tệ hiện nay đang được đảm bảo tốt với tỷ giá ổn định.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng cho biết lạm phát dự kiến của cả năm 2009 ở mức 7%, do vậy, từ nay đến cuối năm, khả năng thắt chặt chính sách tiền tệ sẽ được loại trừ. Trong thời gian tới, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tổng phương tiện thanh toán phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Việc nới lỏng chính sách tiền tệ sẽ được thực hiện có thời hạn với mục tiêu trọng tâm là duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Một số ngân hàng thương mại tiếp tục tăng lãi suất huy động VND ở nhiều kỳ hạn, lãi suất cơ bản tiếp tục giữ nguyên 7%. Ngày 28/10, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) thông báo điều chỉnh lãi suất huy động đối với hai sản phẩm tiền gửi tiết kiệm VND là tiết kiệm bậc thang và tiết kiệm rút gốc linh hoạt. Theo biểu lãi suất mới, SHB điều chỉnh tăng 0,25%/năm với các kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng của sản phẩm tiết kiệm bậc thang; lãi suất tiết kiệm rút gốc linh hoạt cũng tăng 0,3% ở kỳ hạn 3 tháng.

Sau lần điều chỉnh này, lãi suất cao nhất ở tiết kiệm bậc thang của SHB là 9,72% và 9,55%/năm với sản phẩm tiết kiệm rút gốc linh hoạt. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (Maritime Bank) áp biểu lãi suất huy động mới trong đó, lãi suất huy động VND dành cho sản phẩm “Lãi suất cao nhất” được tập trung tăng mạnh ở một số kỳ hạn, 1 tháng hiện là 8,85%/năm, 2 tháng là 8,95%/năm, 3 tháng là 9,55%/năm.

Ngày 23/10, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) quyết định tăng lãi suất tiết kiệm thông thường áp dụng cho VND từ 0,1% - 0,45%/năm. Kỳ hạn 9 tháng tại MB có mức tăng mạnh nhất, từ 8,9%/năm lên 9,35%/năm; mức 9,60%/năm là mức lãi suất tiết kiệm cao nhất áp dụng cho các kỳ hạn 24 tháng, 36 tháng, 48 tháng và 60 tháng. Với sản phẩm tiết kiệm rút gốc từng phần, MB cũng điều chỉnh tăng lãi suất từ 0,1% - 0,3%/năm đối với các kỳ hạn trên 12 tháng./.



QUY CHẾ MỚI VỀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ

Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) được Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009. Theo đó, các phương thức cung cấp viện trợ PCPNN gồm: viện trợ thông qua các chương trình, dự án và viện trợ phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp). Các đối tượng được tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN tiếp nhận.

Viện trợ PCPNN được sử dụng hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của Việt Nam trong từng thời kỳ, chủ yếu bao gồm: phát triển nông nghiệp và nông thôn kết hợp xóa đói giảm nghèo; phát triển hạ tầng cơ sở xã hội (y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số); bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tăng cường năng lực thể chế, quản lý kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai; các hoạt động nhân đạo...

Các khoản viện trợ PCPNN (ngoại trừ cứu trợ khẩn cấp) chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ. Không tiếp nhận những hàng hóa thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ; trong trường hợp cần thiết, việc tiếp nhận phải do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngoài việc thỏa thuận tiếp nhận các hàng hóa chưa sử dụng, mới 100%, cơ quan chủ quản chỉ thỏa thuận tiếp nhận hàng hóa đã qua sử dụng nếu có văn bản xác nhận của Bên tài trợ là hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới. Hàng hóa thuộc

các khoản viện trợ phải được tổ chức bán đấu giá theo quy định hiện hành về bán đấu giá tài sản.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010 và thay thế Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

QUY ĐỊNH VỀ CHI PHÍ GIAO, BÁN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về tài chính trong bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, chi phí bán, giao doanh nghiệp là các khoản chi phí liên quan đến bán, giao doanh nghiệp từ thời điểm quyết định bán, giao doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện xong việc bàn giao doanh nghiệp cho bên nhận mua, nhận giao doanh nghiệp.

Chi phí bán, giao doanh nghiệp bao gồm: chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản; chi phí lập phương án bán, giao doanh nghiệp; chi phí tổ chức đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp để triển khai bán, giao doanh nghiệp; chi phí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, công khai thông tin; chi phí tổ chức đấu giá; chi phí thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (nếu có); chi phí cho ban đổi mới tại doanh nghiệp và các chi phí khác liên quan đến bán, giao doanh nghiệp. Tổng mức chi phí bán doanh nghiệp tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 01 tỷ đồng, 100 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ 01 đến 05 tỷ đồng, 150 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng và 200 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 10 tỷ đồng. Tổng mức chi phí giao doanh nghiệp tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 05 tỷ đồng, 100 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng và 150 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 10 tỷ đồng. Chi phí bán doanh nghiệp được trừ vào tiền thu được do bán doanh nghiệp, nếu tiền thu từ bán doanh nghiệp không đủ bù đắp chi phí bán doanh nghiệp thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; chi phí giao doanh nghiệp được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nếu chi phí giao doanh

nghiệp theo dự kiến lớn hơn giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì chuyển sang hình thức sắp xếp khác theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 109/2005/TT-BTC ngày 08/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Ngày 20/10/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2009/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hóa chất, bao gồm các hành vi vi phạm các quy định về: sản xuất, kinh doanh hóa chất; vận chuyển hóa chất nguy hiểm; cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm trong sản xuất, kinh doanh hóa chất; khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất nguy hiểm; xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, vận chuyển quá cảnh hóa chất; xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất; quảng cáo hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất; bao gói hóa chất; phiếu an toàn hóa chất; sử dụng hóa chất cho thí nghiệm, nghiên cứu khoa học; xử lý hóa chất bị thải bỏ trong sử dụng; khai báo, đăng ký hóa chất mới...

Theo Nghị định, các mức xử phạt hành chính được quy định cụ thể như sau: phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với tổ chức, cá nhân đưa cơ sở sản xuất hóa chất vào hoạt động khi chưa tổ chức nghiệm thu, bàn giao và chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện cho phép sản xuất hóa chất hoặc trường hợp không có hoặc đề hư hỏng nội quy, quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị tại các vị trí sản xuất theo quy định. Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hóa chất không nằm trong danh mục hóa chất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc sử dụng nguyên liệu sản xuất, kinh doanh hóa chất không rõ nguồn gốc. Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu

đồng đối với hành vi tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất khi chưa được cấp phép hoặc sửa chữa, thay đổi kết cấu, cấu trúc bộ phận xây dựng nhà xưởng vi phạm các yêu cầu về che chắn, bảo vệ bên trong nhà xưởng, các yêu cầu về lối thoát nạn, khả năng chịu lực, chịu lửa của công trình, vi phạm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường lao động. Phạt tiền từ 60 triệu đồng đến 70 triệu đồng đối với hành vi lấy cấp hóa chất nguy hiểm tại kho bảo quản hóa chất nguy hiểm. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt; nếu không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2009 và thay thế Nghị định số 31/2007/NĐ-CP ngày 02/3/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hóa chất nguy hiểm./.

THÔNG TIN NGÀNH HÀNG/LĨNH VỰC

NGÀNH THÉP VẮN GIAN NAN TÌM QUẶNG

Ngành thép những năm gần đây đã có bước phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững. Tình trạng mất cân đối giữa sản xuất thượng nguồn với hạ nguồn chậm được khắc phục. Theo Vụ Công nghiệp nặng (Bộ Công Thương), hiện tại, tổng công suất cán thép xây dựng vẫn vượt gần 2 lần công suất luyện, 80% sản lượng phôi thép hiện nay được sản xuất từ thép phế liệu.

Ngành thép vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu (gần 80% thép tấm lá các loại, gần 50% nhu cầu phôi thép, trên 60% lượng thép phế cho lò điện), do vậy sản xuất thường bị động và chịu nhiều thiệt hại khi giá cả thị trường thế giới biến động. Năm 2009, lượng phôi tự sản xuất trong nước là 2,6 triệu tấn và lượng phôi cần nhập khẩu là khoảng 2,2 triệu tấn nữa. Với lượng phôi sản xuất trong nước chiếm hơn 60% phôi cho cán thép, có thể nói ngành thép đã dần chủ động hơn trong sản xuất. Tuy nhiên, ngành thép vẫn phải đối mặt với việc nhập khẩu phế liệu bởi nguồn cung phế liệu trong nước không đủ dùng. Đến thời điểm này, trữ lượng quặng sắt của tỉnh Thái Nguyên không còn nhiều (theo thống kê toàn tỉnh có khoảng 38 - 40 triệu tấn quặng). mỏ Tiến Bộ với 24 triệu tấn và 7 điểm mỏ vùng Trại Cau đều thuộc huyện Đồng Hỷ với 3,5 triệu tấn, số còn lại nằm rải rác ở các địa phương và hàm lượng rất nghèo (khoảng 40 độ). Dự án sản xuất phôi của Công ty Thép Vạn Lợi (Hải Phòng) cũng đang gặp khó khăn với việc tìm nguồn quặng cho nhà máy chuẩn bị vận hành vào cuối năm 2009. Công ty Thép Hòa Phát (Kim Môn, Hải Phòng) cũng đang gặp không ít khó khăn do không chủ động được nguồn quặng. Khó khăn hơn là dự án Nhà máy Gang thép Đông Á công suất 300 nghìn tấn/năm tại Đông Triều (Quảng Ninh) đã phải ngừng hoạt động một lò cao sau 1 tháng, bởi thiếu nguyên liệu.

XUẤT KHẨU THỦY SẢN: KHOẢNG SÁNG ĐÃ HIỆN

Chín tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sa sút, nhưng về cuối năm, nhiều tín hiệu khả quan xuất hiện. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, chín tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trên đạt 3 tỷ USD, giảm 9,1% so với 3,35 tỷ USD cùng kỳ năm 2008. Khối lượng xuất khẩu đạt gần 874 nghìn tấn, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cá tra, cá basa - mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong nhóm sản phẩm thủy sản - lại giảm tới 8,6%.

Về thị trường, tuy EU vẫn giữ vị trí đầu bảng trong cơ cấu xuất khẩu, nhưng xuất khẩu sang thị trường này đã giảm 1,7% về khối lượng và 6,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2008; xuất khẩu sang Nhật giảm 21,2% về khối lượng và 12,3% về giá trị; xuất khẩu sang Mỹ tháng 9 vừa qua đột ngột giảm 26,8% về giá trị, khiến tổng kim ngạch xuất khẩu chín tháng đầu năm giảm 3,2%, mặc dù khối lượng xuất khẩu vẫn tăng 14,7% với khoảng 89.724 tấn. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 17% cả về khối lượng và giá trị. Bên cạnh Trung Quốc, xuất khẩu thủy sản sang các nước và khu vực lân cận như Hàn Quốc, ASEAN, Úc và Canada đều đạt mức tăng trưởng hai con số về cả khối lượng và giá trị (tăng từ 16% - 31% về giá trị). Nhiều doanh nghiệp trong ngành đã ký được thêm đơn hàng từ các thị trường truyền thống, nhiều đơn vị đã phát triển được các hợp đồng xuất khẩu với các đối tác mới từ Nga, Đông Âu, Trung Đông.

So với các tháng đầu năm, mức giá được ký cũng đã cao hơn. Trong khi đó, các rào cản thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu đang được dỡ bỏ dần, khi giữa tháng 8/2009, Ủy ban châu Âu (EC) đã chấp thuận bổ sung 30 doanh nghiệp Việt Nam đủ tiêu chuẩn, nâng tổng số lên 330 doanh nghiệp được xuất khẩu thủy sản vào thị trường này. Thị trường Nga cũng đã mở cửa trở lại với nhiều doanh nghiệp Việt Nam, như Công ty Cổ phần Nam Việt; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang... Ngoài ra, hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/10/2009, trong đó, 86% nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam vào thị trường Nhật Bản được ưu đãi về thuế (thuế suất nhập khẩu các mặt hàng từ tôm còn 1 - 2%).

DOANH NGHIỆP DỆT MAY NHIỀU ĐƠN HÀNG

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, đến hết tháng 9/2009, ngành dệt may đã xuất khẩu được hơn 6,7 tỷ USD. Chỉ tiêu Chính phủ giao cho ngành trong năm nay là tăng trưởng 3% tức tương ứng khoảng 9,3 tỷ USD. Kế hoạch còn lại phải thực hiện đến hết năm mỗi tháng phải đạt trên 800 triệu USD. Theo Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), nhiều doanh nghiệp dệt may lớn như Việt Tiến, Phong Phú, Sài Gòn 2, May 10... đang có rất nhiều khách hàng nước ngoài đến đặt hàng. Nhưng nhiều đơn hàng doanh nghiệp không dám nhận, phần vì muốn lựa chọn đơn hàng giá tốt, phần do các đơn hàng từ nay đến cuối năm đã kín đầy. Ngoài ra, để tranh thủ và tận dụng những đơn hàng về nhiều, nhiều doanh nghiệp lớn đã nhận thêm, nhưng không phải cho mình mà để san sẻ cho những doanh nghiệp nhỏ không đủ đơn hàng sản xuất.

Sở dĩ lượng đơn hàng dệt may đã và đang về nhiều là do những hãng thời trang lớn trên thế giới và những thị trường nhập khẩu lớn là Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... nếu như trước đây đặt hàng nhiều ở Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... thì nay đang có xu hướng chuyển dịch dần về Việt Nam. Ngoài ra, nhiều đơn hàng cũng đến từ các thị trường mới như Nam Mỹ, châu Phi, Trung Đông...

Điều khó khăn nhất để phát triển bền vững đối với các doanh nghiệp dệt may hiện nay là thiếu nguồn nguyên liệu vải. Theo các doanh nghiệp, nếu có nguồn cung cấp nguyên tại chỗ, được sản xuất ngay ở Việt Nam thì thời gian giao hàng sẽ nhanh hơn, và như thế sẽ có khả năng thu hút được đơn hàng, khách hàng nhiều hơn.

NGÀNH ĐIỀU VIỆT NAM THIẾU NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

Hiện Việt Nam đang là nước đứng đầu trên thế giới về xuất khẩu điều. Tuy nhiên, những năm gần đây quỹ đất để phát triển cây điều đã cạn, nên diện tích trồng điều không được mở rộng thêm. Hiện cả nước có khoảng 400 nghìn ha điều, nhưng

do ngành chế biến liên tục tăng nên diện tích này mới chỉ đáp ứng được 60% nguyên liệu. 40% nguyên liệu còn thiếu hụt đang được nhập khẩu từ các nước châu Phi như Bờ Biển Ngà, Indonesia... Tính đến hết tháng 9/2009, toàn ngành đã xuất khẩu được 131.000 tấn điều nhân các loại. Kim ngạch thu về đạt 614 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2008, lượng xuất khẩu tăng tới 9% nhưng giá trị lại giảm khoảng 10%. Nguyên nhân chính là so với giá của cùng kỳ năm trước, giá điều xuất khẩu của nước ta đã giảm khoảng 900 USD/tấn, chỉ ở mức 4.700 USD/tấn.

Về các thị trường chính nhập khẩu sản phẩm điều của Việt Nam là Mỹ, Úc, Trung Quốc, châu Âu thì thời gian qua khu vực Đông Âu có mức sụt giảm mạnh nhất là 10%. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc, Mỹ lại tăng tương ứng là 10% và 4%. Tới nay, do kinh tế thế giới đã có nhiều tín hiệu khởi sắc và sản phẩm điều của Việt Nam đã mở rộng thêm thị trường tới các nước trong khu vực ASEAN và Nhật Bản, nên theo ước tính, cả năm ngành này sẽ mang về cho đất nước kim ngạch khoảng 800 triệu USD (giảm 10% so với năm trước).

XUẤT KHẨU CÁ NGỪ GẶP KHÓ

Theo số Tổng cục Hải quan, tính đến trung tuần tháng 9/2009, Việt Nam đã xuất khẩu được xấp xỉ 36,7 nghìn tấn cá ngừ, đạt kim ngạch gần 118 triệu USD. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu đã giảm 6,1% về khối lượng và 15,2% về giá trị. Thời gian qua, Lebanon là quốc gia vẫn giữ được mức tăng trưởng toàn diện đối với sản phẩm cá ngừ của Việt Nam. Cụ thể, tính đến ngày 15/9, thị trường này đã nhập khẩu tăng tới 137,6% về khối lượng và 89,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2008. Trong khi đó, Mỹ, Thụy Sĩ và Úc chỉ giữ được mức nhập khẩu bằng với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cá ngừ sang hai thị trường lớn là Nhật Bản và EU lại giảm mạnh. Riêng thị trường Nhật Bản giảm tới 33,7% về khối lượng; 40,2% về giá trị và thị trường EU các con số tương ứng là 3,2% và 14,8%. Không chỉ nhu cầu của thị trường giảm, theo báo cáo mới đây của sở nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh như: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, bão số 9 đổ bộ vào miền Trung đã khiến nhiều doanh nghiệp không có nguyên liệu cá ngừ để chế biến, xuất khẩu.

Thêm nữa, bắt đầu từ 1/1/2010, quy định về chống đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không kiểm soát (Quy định IUU) của Hội đồng Liên minh Châu Âu (EC) sẽ có hiệu lực. Theo đó, đối mỗi lô hàng thủy sản có nguồn gốc từ khai thác trong tự nhiên khi xuất khẩu sang EU đều phải có bản cam kết của nhà máy chế biến về nguồn gốc sản phẩm, hoặc giấy chứng nhận khai thác, hoặc bản sao giấy chứng nhận khai thác.

AUSTRALIA PHẠT NẶNG SẢN PHẨM THỦY SẢN NHẬP KHẨU

VI PHẠM VỀ KHỐI LƯỢNG

Australia đã áp dụng rộng rãi luật mới cho phép cơ quan chức năng kiểm tra khối lượng tịnh của thủy sản đóng gói nhập khẩu (sau khi làm tan đá), đối chiếu với khối lượng in trên bao bì để phát hiện vi phạm. Nếu bị phát hiện vi phạm, các doanh nghiệp, cá nhân liên quan sẽ phải chịu một khoản tiền phạt có thể lên tới 100 nghìn đô la Australia. Hiệp hội Các nhà nhập khẩu thủy sản Australia cũng đang vận động Chính phủ rút lại giấy phép được xuất khẩu sang nước này của các doanh nghiệp cung cấp hàng vi phạm. Đồng thời Hiệp hội đang cân nhắc việc xây dựng một “danh sách đen” các doanh nghiệp xuất khẩu vi phạm để Chính phủ Liên bang tham chiếu.

Theo lý giải của Hiệp hội thì việc áp dụng luật mới nhằm tránh tạo ra sự cạnh tranh bất bình đẳng trên thị trường cũng như gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Hiện mới chỉ có chính quyền bang Victoria (Australia) thông báo kể từ ngày 1/11/2009, sẽ bắt đầu tiến hành kiểm tra khối lượng tịnh của thủy sản đóng gói. Còn các bang khác vẫn chưa có thông tin về thời điểm sẽ thực thi luật mới này.

LƯỢNG DU KHÁCH ĐẾN VIỆT NAM GIẢM MẠNH

Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, trong tháng 10, số lượng khách quốc tế đến nước ta đã giảm tới 25,1% so với tháng trước đó và chỉ đạt mức gần 228 nghìn lượt. Trong đó, lượng khách tới bằng đường hàng không đạt gần 158 nghìn lượt,

chiếm 69,2% (giảm 37,2% so với tháng 10/2008). Khách tới bằng đường biển đạt 3.000 lượt, giảm tới 49,6%, riêng khách sử dụng phương tiện giao thông đường bộ lại tăng 72,2% (so với tháng 10/2008).

Nhìn chung trong mười tháng qua, khách quốc tế đến từ hầu hết các thị trường đều có sự sụt giảm. Trong đó, thị trường Hàn Quốc giảm tới 24,2%; Trung Quốc, Thái Lan mức giảm tương ứng là 26,3% và 18,8%... Tuy vậy, ngành du lịch vẫn hy vọng rằng việc Thủ tướng đã đồng ý kéo dài thời gian miễn lệ phí thị thực nhập cảnh cho khách du lịch tới Việt Nam đến hết năm 2009, cộng với sự kiện Asean Indoor Game III tới đây sẽ được tổ chức ở Việt Nam, sẽ “đẩy” lượng khách quốc tế tới nước ta tăng đáng kể. Trước đó, Tổng cục Du lịch đã đặt mục tiêu đón 3,7-3,8 triệu khách du lịch quốc tế trong năm 2009.



TIÊU ĐIỂM

GÓI KÍCH CẦU THỨ HAI – PHƯƠNG THUỐC HAY CHỐNG SUY THOÁI

Trước bối cảnh kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái từ cuối năm 2008, Chính phủ đã ban hành nhiều quyết sách nhằm thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm. Một trong những biện pháp đó là sử dụng các gói kích cầu. Gói kích cầu thứ nhất đã phát huy hiệu quả khi nền kinh tế đang có những dấu hiệu phục hồi khả quan. Để tiếp tục hỗ trợ cho nền kinh tế, ngày 29/10, Chính phủ đã thông qua gói kích cầu thứ hai. Nhân dịp này chúng ta cùng nhìn lại gói kích cầu thứ nhất của Chính phủ và tìm hiểu thêm về gói kích cầu thứ hai.

1. Nội dung gói kích cầu thứ nhất:

Kích cầu là gì? Về bản chất, kích cầu là việc Chính phủ chủ động tác động tích cực tới tổng cung và tổng cầu xã hội một cách thống nhất, có tổ chức và có chủ đích, theo hướng khuyến khích đầu tư và mở rộng quy mô tiêu dùng; kích hoạt và tăng động lực phát triển kinh tế trong bối cảnh có sự suy giảm các động lực phát triển kinh tế do các khó khăn về nguồn vốn và thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu năm 2009, sự xuất hiện các “gói kích cầu” này là phổ biến ở các quốc gia, các tổ chức khu vực và quốc tế như Mỹ, IMF, EU, ASEAN, với quy mô ngày càng tăng, từ hàng ngàn tỷ USD như ở Mỹ, hàng trăm tỷ USD như ở Nhật, Trung Quốc, Nga và các nước thành viên EU...

Ở Việt Nam, tổng số gói kích cầu được thực hiện đến nay là 145,6 nghìn tỷ đồng, tương đương với 8 tỷ USD, bao gồm 4 nhóm giải pháp: tín dụng (hỗ trợ lãi

suất cho doanh nghiệp, nông dân); thuế (miễn, giảm, giãn thuế); đầu tư công và an sinh xã hội. Trong đó hỗ trợ đầu tư công 90,8 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ miễn giảm thuế 28 nghìn tỷ đồng; chi gần 9,8 nghìn tỷ đồng giải quyết đời sống bà con vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, góp phần thực hiện xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ lãi suất 18 nghìn tỷ đồng.

2. Đánh giá hiệu quả gói kích cầu thứ nhất:

Gói kích cầu của Chính phủ đã góp phần thực hiện được mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô; các cân đối thu chi ngân sách Nhà nước, tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế... được đảm bảo; lạm phát được kiềm chế ở mức thấp nhất; tốc độ tăng trưởng được duy trì hợp lý và bền vững. Cụ thể, GDP trong quý I có tốc độ tăng trưởng 3,14%, sang quý II tăng 4,46%, quý III ước tăng 5,67% và quý IV dự báo tăng 6,8%, cả năm dự báo GDP tăng khoảng 5,2%, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 19%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,4%, khu vực dịch vụ tăng 6,5%.

Nhờ tác động của gói kích cầu, trong từng ngành, từng lĩnh vực đều có chuyển biến rõ nét. Sản xuất công nghiệp phục hồi khá nhanh. Sau khi giảm sâu trong tháng 1 (-4,4%), ngành công nghiệp lấy lại tốc độ tăng trưởng trong các tháng tiếp theo và đến tháng 10 đã tăng 11,9% so với cùng kỳ 2008.

Ngành xây dựng từ mức tăng trưởng âm 0,4% về giá trị tăng thêm trong năm 2008 đã tăng 6,9% trong quý I, tăng 9,8% trong quý II, tăng 11% trong quý III và dự kiến cả năm có thể đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 11% nhờ các biện pháp hỗ trợ lãi suất, kích cầu đầu tư.

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có bước phát triển khá. Giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp 9 tháng đầu năm tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng lương thực vụ đông xuân vượt mức kỷ lục của năm trước (tăng 0,3%).

Việc hỗ trợ lãi suất ở mức 4% năm đã giúp cho doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, phục hồi sản xuất và hỗ trợ cho việc phát triển ổn định và an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, giãn thuế đã giảm

bớt một phần khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, góp phần phục hồi và từng bước đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, kích thích cầu đầu tư tiêu dùng.

Về thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thuế, theo thống kê, đến ngày 31/8/2009 đã có trên 125.500 lượt doanh nghiệp và khoảng 937.000 đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân được hưởng các ưu đãi về chính sách thuế, trong đó có trên 36.000 doanh nghiệp được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp, 42.000 doanh nghiệp được giãn thuế thu nhập doanh nghiệp, 47.000 doanh nghiệp được giảm 50% thuế giá trị gia tăng...

Đặc biệt, trong điều kiện rất khó khăn của nền kinh tế do tác động của khủng hoảng và suy thoái kinh tế, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là hướng vào công tác xóa đói, giảm nghèo; hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh đã được tiến hành sâu rộng; góp phần bảo đảm đời sống nhân dân, đặc biệt là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa... Qua đó, công tác xóa đói, giảm nghèo có nhiều chuyển biến quan trọng, theo tính toán, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2009 ước còn khoảng 11%, vượt kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, vẫn còn một số hạn chế trong việc triển khai các chính sách kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội như: Việc triển khai đồng thời nhiều cơ chế hỗ trợ lãi suất cùng với việc thực thi chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ nới lỏng có tác động làm tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng ở mức khá cao... Ngoài ra, việc hỗ trợ lãi suất bằng VNĐ dẫn đến chuyển dịch từ vay ngoại tệ sang VNĐ để mua ngoại tệ nhằm giảm bớt rủi ro tỷ giá đã gây mất cân đối trên thị trường ngoại hối.

3. Vì sao lại có gói kích cầu thứ hai?

Theo đánh giá của các chuyên gia, gói kích thích kinh tế thứ nhất được ban hành rất đúng đắn, kịp thời, góp phần đưa nền kinh tế thoát khỏi ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng tài chính thế giới, giữ nền kinh tế chỉ dừng lại ở mức suy giảm và cùng với đó, hệ thống ngân hàng, tài chính và doanh nghiệp không bị đổ vỡ.

Báo cáo khảo sát của các địa phương và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy: Việc thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất đã đạt được mục

tiêu là tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ sản xuất giảm chi phí vay vốn khoảng 30 - 40%, giảm giá thành từ 2,5 - 6%, duy trì và mở rộng sản xuất - kinh doanh, tạo được việc làm cho người lao động, có 91% doanh nghiệp nhỏ và vừa duy trì, phát triển sản xuất - kinh doanh.

Theo nhận định của IMF, quá trình phục hồi kinh tế đã bắt đầu. Các thị trường tài chính đang trở lại hoạt động bình thường. Tại hầu hết các quốc gia, tăng trưởng kinh tế sẽ đạt tỷ lệ dương trong phần còn lại của năm 2009 và cả năm 2010. Nhưng để quá trình phục hồi được bền vững, hoạt động tiêu dùng và đầu tư cá nhân cần phải được củng cố đi song hành với tăng cao khoản chi tiêu công và xử lý các khoản thâm hụt ngân sách lớn.

Để tiếp tục hỗ trợ quá trình phục hồi của nền kinh tế, ngày 30/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý thông qua gói kích thích kinh tế lần thứ hai với tinh thần cắt giảm bội chi, không cắt giảm đầu tư. Cụ thể, sẽ đầu tư từ ngân sách và từ trái phiếu chính phủ, trong đó tập trung vào hạ tầng, với yêu cầu quản lý tốt hơn, không gây lạm phát. Với gói kích cầu thứ hai, triển khai từ 1/1/2010, Chính phủ chủ trương không tiếp tục chính sách tài chính hỗ trợ, miễn thuế. Tuy nhiên, trước mắt, cho phép chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 tháng đầu năm 2010.

Về nhóm giải pháp tín dụng, Chính phủ cho biết sẽ kéo dài thời hạn triển khai đến hết ngày 31/12/2010 đối với việc hỗ trợ lãi suất vay vốn trung, dài hạn để phát triển sản xuất và hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, mức hỗ trợ lãi suất sẽ chỉ còn là 2%.

Về việc cho vay vốn lưu động ngắn hạn, trước mắt, sẽ được kéo dài thời hạn hiệu lực thêm một quý, tức là đến hết quý I năm sau thay vì phải kết thúc ngay năm nay. Trước ngày 31/3/2010, Chính phủ sẽ xem xét và quyết định về việc có dừng việc cho vay vốn ngắn hạn hay không. Mức lãi suất được hỗ trợ cũng được giảm xuống còn 2%. Chính phủ cũng cho biết sẽ thu hẹp đối tượng cho vay, chủ yếu hướng đến các hoạt động phục vụ sản xuất.

So với gói kích cầu thứ nhất trị giá 8 tỉ USD, quy mô của gói kích thích thứ 2 chưa được tính toán cụ thể nhưng chắc chắn mức độ và liều lượng sẽ thấp hơn so với gói kích cầu đầu tiên./.



CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ

SỰ HÌNH THÀNH CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ VIỆT NAM, HIỆN TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam đang phát triển và hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế quốc tế. Chúng ta đang từng bước gỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Điều này có nghĩa là đội ngũ doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh “sòng phẳng” của các tập đoàn kinh tế đa quốc gia hùng mạnh trên thế giới. Thực tế, kinh nghiệm các nước cho thấy những tập đoàn kinh tế mạnh ở cả khối kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân sẽ là “đội quân chủ lực” đảm bảo hội nhập thành công. Sự phát triển các tập đoàn kinh tế là tất yếu của quá trình hợp tác phát triển các loại hình doanh nghiệp, các mối quan hệ hợp tác đầu tư trên cơ sở nhu cầu phát triển thị trường và hội nhập KTQT. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước đã chủ trương thành lập các tập đoàn kinh tế lớn trong một số ngành then chốt theo hướng chuyển đổi các tổng công ty nhà nước và khuyến khích sự phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân. Tuy nhiên trong việc hình thành và chuyển đổi các tổng công ty thành các tập đoàn kinh tế còn rất nhiều điều tranh luận. Câu hỏi đặt ra là hiện trạng các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay ra sao? Xu hướng phát triển của các tập đoàn kinh tế trong thời gian sắp tới như thế nào? Liệu đây đã là thời điểm thích hợp cho việc xây dựng các tập đoàn kinh tế nhà nước và tư nhân ở các lĩnh vực khác nhau hay chưa?

1. Sự cần thiết của việc hình thành các tập đoàn kinh tế

Tập đoàn kinh tế là một tổ hợp các doanh nghiệp gồm công ty mẹ, các công ty con và các doanh nghiệp liên kết khác. Công ty mẹ là hạt nhân của tập đoàn kinh tế, là đầu mối liên kết các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết với nhau, nắm quyền

kiểm soát, chi phối các quyết sách, chiến lược phát triển nhân sự, chi phối hoạt động của các thành viên.

Bản thân tập đoàn không có tư cách pháp nhân, chỉ công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp liên kết mới có tư cách pháp nhân. Các tập đoàn có thể hoạt động trong một hay nhiều lĩnh vực khác nhau. Các doanh nghiệp thành viên và các doanh nghiệp liên kết có quan hệ với nhau về vốn, đầu tư, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và các liên kết khác xuất phát từ lợi ích của các doanh nghiệp tham gia liên kết.

Việc phát triển của các tập đoàn kinh tế là một tất yếu của quá trình hợp tác và phát triển các loại hình doanh nghiệp, các mối quan hệ hợp tác đầu tư trên cơ sở nhu cầu phát triển thị trường. Nếu chỉ có các doanh nghiệp nhỏ và vừa không thể nào dẫn dắt nền kinh tế, không thể cạnh tranh cũng như hội nhập được. Kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới cho thấy rằng những tập đoàn kinh tế lớn là những đầu tàu trong việc phát triển nền kinh tế. Trong giai đoạn phát triển và hội nhập, trong điều kiện kinh tế Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt khi gia nhập WTO thì vai trò của các tập đoàn kinh tế trở nên quan trọng hơn lúc nào hết. Điều này được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tập đoàn kinh tế cho phép huy động được các nguồn lực vật chất, lao động và vốn trong xã hội vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra sự hỗ trợ trong việc cải tổ cơ cấu sản xuất, hình thành những công ty hiện đại, quy mô có tiềm lực kinh tế lớn. Việc hình thành tập đoàn kinh tế cho phép phát huy lợi thế kinh tế có quy mô lớn, khai thác triệt để thương hiệu, hệ thống dịch vụ đầu vào, đầu ra và dịch vụ chung của cả tập đoàn. Việc hình thành tập đoàn kinh tế còn có ý nghĩa tăng cường hiệu quả quản lý, sử dụng lợi thế về quy mô và kết hợp các ưu thế của sự chuyên môn hoá với hoạt động kinh doanh đa dạng và tách bạch được quản lý hành chính và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp của tập đoàn. Bởi vì hầu hết các tập đoàn đều có các bộ phận nghiên cứu thống nhất, bộ phận thực hiện chức năng mà một doanh nghiệp riêng lẻ khó có thể đảm đương nổi như thu thập thông tin, dự đoán thị trường, nghiên cứu kỹ thuật tiên tiến, dự báo xuất khẩu các doanh nghiệp cùng ngành.

Thứ hai, tập đoàn kinh tế góp phần mở rộng phân công lao động quốc tế và hợp tác quốc tế, đẩy nhanh quá trình phát triển. Trong chiến lược kinh doanh, các tập đoàn

kinh tế tìm mọi biện pháp để đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận trước hết là triệt để khai thác các lợi thế so sánh quốc gia trong quan hệ kinh tế quốc tế. Tập đoàn kinh tế tạo ra mối liên hệ chặt chẽ giữa các công ty tạo, điều kiện thuận lợi trong việc thống nhất phương hướng, chiến lược trong phát triển kinh doanh, tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của từng công ty thành viên. Bên cạnh việc đi đầu trong quá trình cạnh tranh khốc liệt với các tập đoàn kinh tế đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế cũng đi đầu trong việc hợp tác, phân công chuyên môn hoá với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tận dụng những ưu thế của nhau, giảm thiểu các chi phí và tăng thêm lợi nhuận. Chính các tập đoàn kinh tế là lực lượng tiên phong trong việc mở rộng phạm vi kinh tế quốc tế, là tác nhân chủ yếu thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế.

Thứ ba, tập đoàn kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với các nước mới công nghiệp hoá. Nó bảo vệ nền sản xuất trong nước, cạnh tranh với các công ty đa quốc gia, tập đoàn kinh tế lớn của các nước khác. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có thể thâm nhập vào thị trường quốc tế kể cả thị trường các nước phát triển.

Thứ tư, việc hình thành nên các tập đoàn kinh tế sẽ khắc phục được tình trạng hạn chế về vốn của các công ty riêng lẻ. Trong tập đoàn kinh tế nguồn vốn được huy động từ các công ty thành viên và được tập trung đầu tư vào những công ty, những dự án có hiệu quả nhất, những dự án tạo ra được sức mạnh quyết định cho phát triển tập đoàn đáp ứng nhu cầu lợi nhuận tối đa cho công ty thành viên và tập đoàn. Việc lưu thông vốn từ công ty này đến công ty khác giúp cho các công ty có mối liên kết chặt chẽ hơn, quan tâm đến hiệu quả hơn và giúp nhau phát huy có hiệu quả nguồn vốn của từng công ty và của cả tập đoàn.

Thứ năm, tập đoàn kinh tế có vai trò to lớn trong việc đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Khi các công ty liên kết lại với nhau sẽ tận dụng được các lợi thế của các thành viên và áp dụng được cho bản thân công ty mình. Sự hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong tập đoàn kinh tế còn cho phép các công ty thành viên có khả năng đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào thực tiễn trên một quy mô rộng lớn hơn nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu và ứng dụng và thu hồi vốn nhanh. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ hiện nay. Bên

cạnh đó tập đoàn kinh tế cũng có ý nghĩa rất lớn trong việc cung cấp, trao đổi thông tin và những kinh nghiệm quan trọng trong tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ giữa các công ty thành viên.

Thứ sáu, tập đoàn kinh tế là công cụ điều tiết kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Ở nhiều quốc gia việc xây dựng các tập đoàn kinh tế được coi là một chiến lược nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển khác như Hàn Quốc, Trung Quốc... Các nước này đã dựa trên sự phát triển của các tập đoàn kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và biến đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu. Họ hướng các tập đoàn kinh tế vào ngành, lĩnh vực then chốt và nền tảng làm nòng cốt và có đủ tiềm lực để mở cửa vươn thế lực ra bên ngoài.

2. Thực trạng và xu hướng phát triển các tập đoàn kinh tế Việt Nam

a) Thực trạng các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam.

Việc xây dựng tập đoàn kinh tế là chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm đưa nền kinh tế phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Trong hầu hết các chính sách phát triển kinh tế của mình, Chính phủ đều thể hiện quan điểm hình thành các tập đoàn kinh tế mũi nhọn và đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Theo đó một số tổng công ty nhà nước trong một số lĩnh vực mũi nhọn sẽ được chuyển đổi thành các tập đoàn kinh tế. Trong năm 2006 và đầu năm 2007, tám tập đoàn kinh tế quốc gia trong các lĩnh vực mũi nhọn như Bưu chính-Viễn thông, Than-Khoáng sản, Dầu khí, Điện lực, Công nghiệp tàu thủy, Dệt may, Cao su, Tài chính-Bảo hiểm đã được thành lập. Đây là những tổng công ty có quy mô lớn mạng lưới thành viên có quan hệ mật thiết, liên doanh và hợp tác với nhiều đối tác.

Tuy nhiên, trong quá trình thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước đã xuất hiện sự lúng túng trong giải quyết các vấn đề cụ thể khi xây dựng đề án. Các vấn đề nảy sinh đó là mối quan hệ và liên kết giữa các đơn vị trong tập đoàn, cơ chế thực hiện liên kết, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý (thành phần, quyền, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các bộ phận quản lý trong bộ máy của tập đoàn), thương hiệu của tập đoàn, quy mô, vốn điều lệ và các vấn đề khác để xác lập tập đoàn. Ngay như địa vị pháp lý của tập đoàn vẫn còn những ý kiến khác nhau như tập đoàn có hay không có tư cách pháp nhân, đăng ký hay không đăng ký, có hay không có bộ máy quản lý riêng. Như vậy, trong những năm vừa

qua vẫn còn rất nhiều những quan điểm khác nhau về nguyên tắc hình thành tập đoàn kinh tế trên cơ sở Tổng công ty nhà nước. Việc hình thành các tập đoàn chỉ mang tính thuần túy thị trường hay chỉ cần quyết định hành chính hay kết hợp cả hai nguyên tắc trên.

Bên cạnh việc thí điểm hình thành các tập đoàn kinh tế mũi nhọn theo định hướng của nhà nước dưới hình thức chuyển đổi các tổng công ty nhà nước thành tập đoàn kinh tế, Nhà nước cũng khuyến khích sự hình thành và phát triển của khu vực tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân thời gian qua cũng có những bước phát triển rất đáng chú ý. Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân đã được hình thành và phát triển trở thành đầu tàu kinh tế trong một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế. Khu vực kinh tế tư nhân đã có những bước phát triển rất năng động, đóng góp khoảng 40% GDP và một phần ba tổng đầu tư toàn xã hội. Như vậy, mỗi doanh nghiệp tư nhân có những thế mạnh riêng có thể là vốn, công nghệ, mạng lưới phân phối, thương hiệu... Nếu các doanh nghiệp này kết hợp với nhau, tận dụng được các lợi thế của nhau sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển không chỉ của doanh nghiệp đó mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế.

Trên thực tế trong khoảng 5 năm gần đây khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam có tốc độ tăng trưởng đạt trên 10% (cao hơn so với mức trung bình 8% của cả nền kinh tế), trong đó có những công ty có mức tăng trưởng về doanh thu lên đến hơn 50%. Hiện nay tại Việt Nam ngày nay cũng đã có những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn mạnh và có tầm ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế như tập đoàn FPT, Đòng Tâm, Kinh Đô, Hoà Phát, Hoàng Anh, Trung Nguyên, Vincom... Các tập đoàn này đều có vốn góp, cổ phần chi phối lẫn nhau ở các công ty con, các công ty liên kết, ngân hàng, đối tác chiến lược trong và ngoài nước với hàng ngàn cổ đông. Các tập đoàn kinh tế tư nhân đang có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam và trở thành những đầu tàu về kinh tế trong các doanh nghiệp tư nhân.

Bên cạnh đó, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận là trong thời gian qua các mô hình tập đoàn kinh tế tư nhân cũng đã gặp rất nhiều những khó khăn, lúng túng và trở ngại trong quá trình hình thành và phát triển. Khó khăn đầu tiên mà các tập đoàn gặp phải là vấn đề về pháp lý (mô hình tập đoàn kinh tế tư nhân ở nước ta thời gian qua chưa được thừa nhận). Các tập đoàn phải mang tên không chính danh như “Công ty cổ phần tập

đoàn” hoặc công ty “TNHH tập đoàn”. Trong các văn bản pháp lý đã ban hành đều chưa tạo được hành lang pháp lý cho việc hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, cùng với việc Chính phủ ban hành Nghị định 139/2007/ND-CP ngày 5 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp và việc các Bộ, ngành đang hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định, khó khăn về hành lang pháp lý sẽ được giải quyết. Theo đó, các nhà đầu tư hoàn toàn có quyền lựa chọn cụm từ “tập đoàn” trong tên riêng khi đăng ký kinh doanh của công ty mẹ, dù công ty được tổ chức dưới dạng công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn. Nghị định 139 cũng đã nêu rõ tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của luật doanh nghiệp. Việc tổ chức hoạt động của tập đoàn hoàn toàn do các công ty thành lập tập đoàn tự thỏa thuận và quyết định. Quyết định này cũng chấm dứt tình trạng nhiều cơ quan nhà nước luôn phân vân khi đăng ký đầu tư cho doanh nghiệp có cụm từ tập đoàn trong tên vì không biết doanh nghiệp có đủ tiêu chí đủ năng lực làm tập đoàn hay không.

Khó khăn thứ hai mà các tập đoàn gặp phải là hiện tại vẫn chưa có một hoạch định, định hướng cụ thể nào nhằm khuyến khích việc hình thành và hoạt động của mô hình tập đoàn kinh tế tư nhân. Các chủ trương hình thành tập đoàn kinh tế tư nhân vẫn mang tính chung chung, hệ thống tiêu chí để xác định tập đoàn đến nay vẫn chưa có. Có thể nói rằng những nhân tố mới về tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam thời gian qua vẫn đang hoạt động dò dẫm và chưa có được những định hướng mang tầm vĩ mô về hoạt động của các tập đoàn. Hệ thống quy định chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của các tập đoàn.

Khó khăn thứ ba mà các tập đoàn gặp phải chính những khó khăn tự thân của các tập đoàn trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Hầu hết các tập đoàn được thành lập trong vòng 10 năm trở lại đây và vận hành bằng phương thức gia đình chứ chưa thực sự chuyên nghiệp. Bên cạnh đó là các xu thế phát triển của các doanh nghiệp, cần liên doanh, liên kết, cổ phần hóa... nên đòi hỏi có cách quản lý công khai, minh bạch, hiệu quả... Do đó, khi quy mô phát triển lớn hơn thì việc quản lý theo cách cũ không còn phù hợp trong khi đó thời gian phát triển lại ngắn nên kinh nghiệm quản lý thiếu dẫn đến

hầu hết các doanh nghiệp đều rơi vào tình trạng khủng hoảng về nhân lực đặc biệt là nhân sự cao cấp.

b) Xu hướng phát triển của các tập đoàn kinh tế tại Việt Nam

Chúng ta đang bước vào giai đoạn phát triển theo chiều sâu. Sự phát triển mạnh của lực lượng sản xuất đòi hỏi phải tìm một mô hình kinh tế thích ứng với sự biến đổi nói trên. Bên cạnh sự ra đời và phát triển của hàng loạt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần thiết phải hình thành và phát triển các doanh nghiệp có quy mô lớn nhằm thực hiện hàng loạt mục tiêu như nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập, định hướng, điều tiết thị trường. Sự hình thành tập đoàn kinh tế ở nước ta hiện nay là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể nói việc liên kết, hình thành tập đoàn kinh tế về thực chất là để tăng cường sức mạnh cạnh tranh trong hội nhập, kể cả khu vực kinh tế nhà nước và tư nhân. Cùng với sự phát triển của kinh tế của đất nước và xu thế hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp tư nhân cũng ngày càng phát triển và đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng chung của đất nước. Xu thế đa dạng hoá ngành nghề và sản phẩm là điều mà các công ty cổ phần đang vươn tới, một mặt để tận dụng các lợi thế sẵn có, đón bắt những cơ hội làm ăn. Mặt khác, tạo ra thế cạnh tranh, tăng vốn và làm gọn nhẹ bộ máy quản lý, các công ty sẽ liên kết, hợp nhất nên trong thời gian tới tập đoàn kinh tế tư nhân sẽ ngày một nhiều hơn.

Việc hình thành tập đoàn kinh tế là một xu thế tất yếu, khu vực tư nhân gần đây đã có bước phát triển mạnh mẽ về quy mô và số lượng bằng cách tách thành các doanh nghiệp con, đầu tư thêm vào các lĩnh vực mới. Hình thành công ty mẹ, công ty con mang dáng dấp của tập đoàn kinh tế. Trên thực tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có xu hướng xích lại gần nhau nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mình trên thị trường. Ví dụ như trong lĩnh vực phân phối phân phối, thời gian qua đã xuất hiện rất nhiều những tập đoàn như Vincom, Big C, Metro... và sắp tới có thể sẽ xuất hiện thêm như Lotte Shopping, Carefour, Tescos, và đặc biệt là Wal-Mart. Mới đây, bốn doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối Việt Nam là Satra, Hapro Mart, Saigon Coop, và Phú Thái đã liên kết với nhau để tiến hành hoạt động kinh doanh...

3. Phương hướng, giải pháp xây dựng tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay

Trong quá trình hội nhập và phát triển ngày nay chúng ta phải xây dựng hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, có đủ sức mạnh trong quá trình hội nhập quốc tế, trong đó các tập đoàn kinh tế lớn đóng vai trò cốt yếu. Như vậy, phương hướng cơ bản hình thành tập đoàn kinh tế ở nước ta hiện nay là quá trình sắp xếp đổi mới cổ phần hoá các tổng công ty và các doanh nghiệp nhà nước đồng thời với quá trình cải cách mạnh mẽ thể chế chính sách thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của hệ thống doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong môi trường hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Các tập đoàn kinh tế sẽ là nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế và thúc đẩy sự liên kết hợp tác của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các tập đoàn kinh tế chúng ta cần thực hiện các bước sau:

Về phía Nhà nước:

Một là, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách để các cơ quan nhà nước, các tổng công ty, các doanh nghiệp tư nhân ... có nhận thức đúng đắn và thống nhất về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tập đoàn kinh tế ở nước ta hiện nay.

Hai là, hoàn thiện hệ thống pháp luật chính sách đối với tập đoàn kinh tế. Trước hết cần có những chính sách phù hợp với các tổng công ty được lựa chọn để thành lập tập đoàn kinh tế như chính sách về quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối giữa Nhà nước và tập đoàn... Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần bổ sung những quy định đối với việc hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế tại mọi thành phần kinh tế.

Ba là, cần thiết phải xây dựng hệ thống tiêu chí của một tập đoàn phù hợp với điều kiện của từng ngành và lĩnh vực kinh tế cũng như khả năng thực tế của mỗi doanh nghiệp.

Bốn là, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, môi trường pháp lý bình đẳng, có các chính sách khuyến khích đầu tư liên kết để hình thành tập đoàn kinh tế có năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó cũng rất cần những chính sách khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với thông tin, cải cách thủ tục hành chính... Đặc biệt là thực hiện những dự án đầu tư để hình thành những công ty có tiềm lực tài chính, bảo vệ quyền lợi, thương quyền...

Năm là, Nhà nước cần ban hành hướng dẫn báo cáo tài chính hợp nhất, giám sát hoạt động tài chính của các tập đoàn kinh tế, của nhóm công ty mẹ-công ty con thuộc tập đoàn kinh tế. Nhà nước cũng cần ban hành các quy định về hạn chế cạnh tranh, chống lạm dụng vị thế thống lĩnh thị trường hoặc lạm dụng vị thế độc quyền nhằm đảm bảo các công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật.

Đối với các doanh nghiệp được duyệt đề án chuyển đổi cần khẩn trương hoàn chỉnh điều kiện tổ chức hoạt động, quy chế tài chính và quy chế hoạt động hình thành cơ cấu công ty mẹ-công ty con. Trong kế hoạch chuyển đổi cần xác định rõ cơ cấu, phương thức chuyển đổi, hình thức phân loại xác định các loại vốn, tài sản công nợ và lao động hiện có...

Đối với doanh nghiệp và các tổng công ty nhà nước. Trước hết, cần đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước một cách vững chắc theo hướng hình thành các doanh nghiệp đa sở hữu nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Thứ hai, cần tiếp tục mở rộng diện cổ phần hoá đối với tất cả các doanh nghiệp kinh doanh còn lại, nhằm tạo động lực phát triển làm cho vốn nhà nước tại doanh nghiệp tăng lên và được sử dụng một cách có hiệu quả, tạo tiền đề huy động vốn xã hội vào phát triển doanh nghiệp. Bằng cách này sẽ thay đổi cơ cấu sở hữu và các quan hệ tổ chức quản lý bên trong tổng công ty, đến một thời điểm nào đó các doanh nghiệp sẽ phân tách thành các công ty mẹ, công ty con và trở thành các tập đoàn kinh tế theo cách mà các tập đoàn kinh tế trên thế giới được thành lập.

Như vậy, có thể thấy rằng việc hình thành tập đoàn kinh tế ở nước ta hiện nay vừa phải kết hợp các nguyên tắc của thị trường, vừa sử dụng một cách chủ động, linh hoạt các chính sách để tác động, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và hoạt động của các tập đoàn.



TIN NGOẠI GIAO KINH TẾ



PHÓ THỦ TƯỚNG NGUYỄN SINH HÙNG THAM DỰ

HỘI CHỢ TRUNG QUỐC – ASEAN (CAEXPO) 2009

Trong chuyến tham dự Hội chợ Trung Quốc - ASEAN, Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng đã dành thời gian trao đổi về các cơ hội hợp tác cho doanh nghiệp Việt Nam trong Hội đàm với Phó thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Trường, trao đổi với báo giới, tham dự cuộc gặp với các giám đốc điều hành (CEO) của Trung Quốc...

Tại cuộc trao đổi với khoảng 100 CEO Trung Quốc vào chiều 20/10, Phó Thủ tướng đã thông báo về quan điểm hợp tác của Việt Nam, những lĩnh vực Chính phủ khuyến khích đầu tư, đồng thời nhấn mạnh: “Chúng ta hợp tác để phát triển đầu tư và thương mại là vì lợi ích của nhân dân Việt Nam và Trung Quốc”.

Việc Chính phủ Việt Nam dành ưu tiên hơn đối với một số lĩnh vực công nghệ cao cũng cho thấy triển vọng hợp tác trong tương lai giữa doanh nghiệp hai nước. “Chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng ngành viễn thông phát triển nhanh, có vị thế trong khu vực và trên thế giới”, Phó thủ tướng khẳng định quan điểm này khi trả lời câu hỏi về chiến lược phát triển công nghệ thông tin của Phó chủ tịch Công ty Kỹ thuật Hoa Vi, ông Dương Thục.

Cũng liên quan đến lĩnh vực hạ tầng, Phó thủ tướng nhìn nhận năng lượng đang là thách thức lớn của Việt Nam. Ngoài hệ thống phân phối lạc hậu, một số nhà máy cũ còn hạn chế, Việt Nam cũng yếu trong khâu quản lý điện. Không quên kêu gọi doanh nghiệp nước bạn quan tâm đến môi trường, Phó thủ tướng thông báo, Việt Nam mong muốn hợp tác về xử lý chất thải, nước thải, xây dựng các công trình đê, kè để giảm nhẹ thiên tai... Hãy đến với Việt Nam để tìm hiểu kỹ hơn về cơ hội hợp tác”, Phó thủ tướng kết thúc bằng câu nói này sau lần trả lời câu hỏi của một CEO Trung Quốc.

Bài toán vốn, không chỉ là khó khăn của doanh nghiệp trong nước, mà đối với cả các tập đoàn lớn của Trung Quốc cũng vậy. Mô hình hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, vì thế có thêm cơ hội để phát triển. Tham dự hội nghị cùng với hai

ngân hàng lớn của Trung Quốc: Ngân hàng Kiến Thiết và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng thông báo, việc cho phép Ngân hàng Kiến Thiết mở chi nhánh tại Tp.HCM đã cơ bản hoàn thành về thủ tục và có thể khai trương trong nay mai.

PHÓ THỦ TƯỚNG HOÀNG TRUNG HẢI THĂM CHÍNH THỨC CỘNG HÒA BÊ-LA-RÚT

Phó Thủ tướng Chính phủ CHXHCN Việt Nam Hoàng Trung Hải đã thăm chính thức Cộng hòa Bê-la-rút từ ngày 15-17/10/2009. Tại hội đàm với Phó Thủ tướng Bê-la-rút A. Cô-bia-cốp, hai bên đã thông báo cho nhau tình hình chính trị, kinh tế - xã hội và chính sách đối ngoại của mỗi nước; trao đổi ý kiến về các vấn đề quan hệ song phương, trong đó trọng tâm là hợp tác kinh tế - thương mại, đầu tư, khoa học và công nghệ.

Hai bên tỏ hài lòng trước sự phát triển tốt đẹp của quan hệ Việt Nam - Bê-la-rút, đặc biệt là sau chuyến thăm Việt Nam vào tháng 4/2008 của Tổng thống Bê-la-rút A. Lu-ca-sen-cô và chuyến thăm Bê-la-rút vào tháng 4/2009 của Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Phú Trọng. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, hai bên nhất trí cần có các biện pháp tích cực hỗ trợ xuất nhập khẩu để tăng kim ngạch thương mại hai chiều đang bị giảm sút do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng hai nước; chú trọng hợp tác công - nông nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác về giáo dục- đào tạo, khoa học - công nghệ, hợp tác trực tiếp giữa các địa phương. Hai bên đã ký Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về nguyên tắc hợp tác giữa các cơ quan Nhà nước ở địa phương và Thỏa thuận về hợp tác giữa Ngân hàng Quốc gia hai nước.

Phát biểu tại Diễn đàn doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã hoan nghênh các doanh nghiệp Bê-la-rút đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam làm ăn với Bê-la-rút; khẳng định Chính phủ Việt Nam sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hai nước thiết lập quan hệ hợp tác trực tiếp. Sau

Diễn đàn, Phó Thủ tướng đã chứng kiến lễ ký kết một số hợp đồng kinh tế giá trị trên 100 triệu USD.

DOANH NGHIỆP VIỆT – ANH KÝ KẾT NHIỀU HỢP ĐỒNG TRỊ GIÁ HÀNG TỶ USD



Tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam-Anh 2009 được tổ chức tại London (ngày 19/10) với sự tham gia của hàng trăm doanh nghiệp hai nước, nhiều biên bản ghi nhớ, thỏa thuận, hợp đồng thuộc lĩnh vực điện, kho cảng, đóng tàu, cà phê và giáo dục đã được ký kết. Các thỏa thuận được ký kết giữa Công ty tài chính điện lực và Ngân hàng Standard Chartered về huy động vốn cho các dự án điện, giữa Tập đoàn Saigon Invest Group và Công ty International Power đầu tư dự án Trung tâm nhiệt điện Bình Định trị giá khoảng 1,5 tỷ USD, thỏa thuận về đầu tư dự án Tổng kho cảng biển tổng hợp Tiền Giang tại Soài Rạp có giá trị khoảng 1,5 tỷ USD...

Phát biểu tại diễn đàn, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải nhấn mạnh Việt Nam coi trọng quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt với Anh, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế-thương mại-đầu tư, hợp tác phát triển và giáo dục-đào tạo. Về phần mình, Đại sứ Anh tại Việt Nam Mark Kent khẳng định Việt Nam là điểm đến đầu tư hấp dẫn với rất nhiều cơ hội và việc đầu tư dài hạn ở Việt Nam là rất tốt.

Theo đánh giá của Cơ quan xúc tiến đầu tư của Anh, Việt Nam là địa điểm đầu tư mà các nhà đầu tư Anh nên lựa chọn vì Việt Nam chỉ đứng sau khối BRICS (gồm Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc - những nước đang nổi có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới) về sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Các đại biểu tham dự đã nghe Thứ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Nguyễn Bích Đạt nói về môi trường đầu tư Việt Nam; được nghe và trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp Anh đang có mặt tại Việt Nam về những thuận lợi và thách thức khi đầu tư vào Việt Nam.

Giám đốc điều hành Phòng Thương mại Công nghiệp London, Colin Stanbridge bày tỏ tin tưởng quan hệ thương mại, kinh doanh giữa hai nước Anh-Việt chắc chắn sẽ được tăng lên với tốc độ đáng kể trong tương lai. Ông cho rằng những gì diễn ra tại diễn đàn doanh nghiệp Việt-Anh 2009 là một minh chứng cụ thể cho nhận định này.

NHẬT BẢN CẤP TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TRÊN 700 TRIỆU USD CHO VIỆT NAM



Ngày 26/10, tại Hà Nội, Bộ trưởng KHĐT Võ Hồng Phúc và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam Sakaba Mitsuo đã ký Công hàm trao đổi về việc Chính phủ Nhật Bản cung cấp tín dụng ưu đãi thuộc đợt 1 tài khóa 2009 của Nhật Bản (kết thúc vào ngày 31/3/2010) cho Chính phủ Việt Nam trị giá 64,891 tỷ Yên (tương đương khoảng 704 triệu USD). Khoản tín dụng ưu đãi này nhằm giúp Chính phủ Việt Nam triển khai 5 dự án, bao gồm: Dự án xây dựng đường tránh Quốc lộ 1 (4,141 tỷ

yên); Dự án Xây dựng Nhà máy Điện Thái Bình 1 (20,737 tỷ yên); Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ (Chương trình tín dụng chuyên ngành 6 - 17,952 tỷ yên); Chương trình sử dụng hiệu quả, bảo toàn năng lượng và sản xuất năng lượng tái tạo (4,682 tỷ yên) và Dự án vay 2 bước tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn III (17,379 tỷ yên).

Công hàm trao đổi quy định các điều kiện khung cho việc cung cấp và sử dụng khoản 64,891 tỷ Yên tín dụng ưu đãi trên. Trên cơ sở các điều kiện khung, trong thời gian tới, đại diện Bộ Tài chính Việt Nam và đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) sẽ ký 5 hiệp định tín dụng cụ thể cho 5 dự án.

Tại buổi ký kết, đại sứ Nhật Bản Sakaba Mitsuo đã nhấn mạnh việc ký kết này rất có ý nghĩa và có tầm quan trọng đối với Nhật Bản. Kể từ khi nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam vào năm 1992 đến nay, Nhật Bản luôn là nhà tài trợ lớn nhất cho Chính phủ Việt Nam. Chính phủ Nhật Bản cam kết tín dụng ưu đãi 2 lần trong 1 năm bắt đầu từ tài khóa 2009 nhằm hỗ trợ kịp thời cho Chính phủ Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Đồng thời, nỗ lực đó còn chứng tỏ sự đánh giá cao của Nhật Bản đối với quan hệ đối tác chiến lược Nhật Bản- Việt Nam, cũng như đối với các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc cải thiện môi trường pháp lý, gia tăng các biện pháp cụ thể để tăng cường hơn nữa việc quản lý và sử dụng hiệu quả các dự án ODA, bao gồm cả công tác phòng chống tham nhũng.



CƠ HỘI HỢP TÁC – GIAO THƯƠNG

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM – PHẦN LAN

Nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Phần Lan Matti Vanhanen (15 - 17/11/2009), Thương vụ Phần Lan sẽ kết hợp với các hiệp hội doanh nghiệp trong nước tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Phần Lan nhằm tạo điều kiện cho các công ty Phần Lan thiết lập, củng cố mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các đối tác Việt Nam cũng như tìm kiếm cơ hội thương mại và đầu tư.

Thời gian: sáng ngày 17/11/2009 .

Địa điểm: Khách sạn Caravelle, thành phố Hồ Chí Minh.

Các doanh nghiệp tham gia Diễn đàn là các công ty Phần Lan hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bao gồm: năng lượng sạch, môi trường, cơ khí và kim loại, khai khoáng, công nghệ thông tin và viễn thông, tài chính ngân hàng, giáo dục, y tế, hóa chất, lọc dầu, xây dựng, trồng rừng, bất động sản.

Doanh nghiệp quan tâm xin mời liên hệ: **trước ngày 7/11/2009**

Finpro - Thương vụ Phần Lan - Tầng 6, 31 Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: 04-39332470; 0913 320 327 (chị Hiền)/ 090 340 1970 (chị Phương)

Fax: 04-39332471; Email: finprovietnamembassyoffinland@finpro.fi

TRIỂN LÃM CÔNG NGHỆ VÀ Ý TƯỞNG SÁNG TẠO THIẾT KẾ 2009

Ngày hội Thúc Đẩy Phát Triển Doanh Nghiệp Quốc Tế vừa và nhỏ do Cục xúc tiến mậu dịch Hồng Kông (HKTDCC) tổ chức hằng năm tại Trung tâm Hội Nghị và Triển Lãm Hồng Kông sẽ diễn ra từ ngày 3/12 - 5/12/2009. Đây là cơ hội để các doanh

nghiệp cập nhật những khuynh hướng thi trường kinh doanh trên toàn cầu, trao đổi ý tưởng và xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên toàn thế giới.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho quý doanh nghiệp khi đến Hồng Kông tham quan các chương trình trên, HKTDC trân trọng tài trợ 1 đêm khách sạn trị giá HK\$600 cho doanh nghiệp tham dự ngày hội này từ ngày 3/12 - 5/12 với điều kiện đặt phòng tại các khách sạn có ký hợp đồng với HKTDC. Quý doanh nghiệp có thể đi tự túc, HKTDC vẫn phòng HCM sẽ hỗ trợ đăng ký khách sạn và xin visa.

Hạn chót đăng ký tham gia chương trình: **ngày 10/11/2009**

Doanh nghiệp quan tâm xin liên hệ:

Văn phòng đại diện Cục Xúc Tiến Mậu Dịch Hồng Kông tại TPHCM (Mrs Vi)

ĐT: 08.38235883 (Số máy lẻ 104)

Email: vi.ht.truong@hktdc.org

TRIỂN LÃM DỤNG CỤ MÁY MÓC QUỐC TẾ SEOUL SIMTOS 2010

Trong khuôn khổ hợp tác giữa Hiệp hội các nhà sản xuất dụng cụ máy móc Hàn Quốc (KOMMA) và Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu (PROMOCEN) - Cục Xúc tiến thương mại, PROMOCEN tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu máy móc công nghệ cao phục vụ sản xuất, kinh doanh xuất khẩu thăm quan Triển lãm dụng cụ máy móc quốc tế Seoul (SIMTOS), tìm hiểu về ngành công nghệ máy móc của Hàn Quốc và tìm kiếm đối tác.

SIMTOS 2010 dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 13-18/4/2010 với quy mô 470 nhà sản xuất đến từ Hàn Quốc, Đức, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Anh, Áo, Nhật Bản... tham dự với các sản phẩm: máy cắt kim loại, máy chế tạo kim loại, robot công nghiệp, hệ thống FA, máy tự động hóa, dụng cụ cắt, máy đo độ chính xác và các thiết bị, phụ tùng khác...

Doanh nghiệp Việt Nam đến thăm quan, giao dịch tại Triển lãm sẽ được hỗ trợ 100% chi phí ăn ở và đi lại trong 4 ngày, 3 đêm ở Hàn Quốc. Điều kiện để doanh nghiệp được nhận hỗ trợ:

- Là nhà nhập khẩu máy móc hoặc sản phẩm có liên quan, có kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc trung bình từ 0,2 triệu USD/năm.

- Có showroom về thiết bị máy móc từ 300 m2 trở lên (chứng minh bằng hình ảnh).

- Là nhà sản xuất hàng hóa liên quan đến máy móc thiết bị có giá trị sản xuất hàng năm ít nhất là 10 triệu USD.

- Là nhà sản xuất hoặc đại diện kinh doanh ô tô hoặc các phụ tùng thiết bị ô tô.

Lệ phí tham dự là 300 USD.

Doanh nghiệp có nhu cầu tham dự Triển lãm, đề nghị liên hệ:

Mrs. Bùi Thủy / Mr. Bá Hải

Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu (Phòng Thông tin và Tư vấn Doanh nghiệp)

ĐT: 04 39364792 / máy lẻ 117

Fax: 04 39364793

Email: buihuthuy@vietrade.gov.vn; nguyenbahai@vietrade.gov.vn

TÌM ĐỐI TÁC NGÀNH GỖ

Cần tìm đối tác có thể sản xuất theo đơn đặt hàng dài hạn, đảm bảo kỹ thuật và đúng catalô: sản phẩm từ gỗ để trang trí; “vải gỗ” như thảm treo tường; bao bì bọc gỗ mềm.... Dự kiến khoản đầu tư ban đầu 200.000\$/tháng.

Doanh nghiệp có nhu cầu xin liên hệ:

Sergay V. Lozgachop (Сергей В.Лозгачёв)

ĐT: (8495)210-37-27; email: alpina0777@rambler.ru

Hoặc: Phòng Kinh tế, ĐSQ VN tại LB Nga

ĐT: (8499)2450393, 89651137619.

